

Bản án số: 30/2024/HNGĐ- ST

Ngày: 02-8-2024

V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn "

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thiện Phán

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Trường Ca và ông Nguyễn Thanh Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Mạc Thị Thủy- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Loan- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 7 năm 2024 và ngày 02 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 212/2024/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Linh T**, sinh năm 2002

Địa chỉ: **khu dân cư B, phường B, thành phố C, tỉnh Hải Dương.**

- Bị đơn: Anh **Phạm Văn T1**, sinh năm 1983

Nơi ĐKKHKT: **thôn Đ, xã H, thành phố C, tỉnh Hải Dương.**

Nơi ở hiện nay: **khu dân cư P, phường B, thành phố C, tỉnh Hải Dương.**

- Người làm chứng:

+ Bà **Nguyễn Thị Q**, sinh năm 1974

Địa chỉ: **khu dân cư B, phường B, thành phố C, tỉnh Hải Dương.**

+ Bà **Vũ Thị D**, sinh năm 1973

Địa chỉ: **khu dân cư P, phường B, thành phố C, tỉnh Hải Dương.**

(**chị T**, **anh T1**, **bà Q** và **bà D** có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/6/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị **Trần Linh T** trình bày:

Chị và anh **Phạm Văn T1** được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Hai bên gia đình có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Chị và anh **T1** có đăng ký kết hôn ngày 27/12/2022 tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Sau kết hôn, vợ chồng chị chung sống với nhau thời gian chủ yếu tại khu dân cư P, phường B, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống chị và anh **T1** nhiều lần xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do thời gian chị mang thai, anh **T1** thường xuyên chơi game, không quan tâm đến cảm xúc của chị. Ngoài ra, chị còn bị mẹ chồng chửi bới, xúc phạm nhân phẩm. Khi đó, bản thân chị đã muốn ly hôn nhưng do gia đình hai bên động viên nên chị tiếp tục chung sống với anh **T1**. Sau khi chị sinh con, mâu thuẫn vẫn tiếp tục diễn ra. Chị bị gia đình anh **T1** thường xuyên xúc phạm, nói chị là gánh nặng của gia đình anh **T1**. Có lần xảy ra mâu thuẫn anh **T1** có ý định đánh chị. Chị đã nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ. Đến ngày 13/5/2024, mâu thuẫn trầm trọng nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở khu dân cư B, phường B, thành phố C, tỉnh Hải Dương sống. Trong thời gian sống ly thân, chị muốn đón con về nhưng gia đình anh **T1** ngăn cấm. Chị đến thăm con thì bị anh **T1** đánh trong khi chị đang mang thai con chung của vợ chồng được khoảng 03 tháng. Chị có báo Công an phường B để giải quyết. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn. Chị xin ly hôn anh **T1** và đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **T1**.

Về con chung: chị và anh **T1** có 01 con chung là **Phạm Minh T2**, sinh ngày 28/7/2023. Hiện nay, cháu **T2** đang ở với anh **T1**. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu **T2**. Chị yêu cầu anh **T1** cấp dưỡng nuôi con với chị 3.000.000 đồng/tháng. Hiện nay, chị đang mang thai con chung của chị và anh **T1**. Chị đang làm công nhân tại Công ty TNHH E, có thu nhập ổn định.

Về tài sản chung và nợ chung: chị và anh **T1** không có nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh **Phạm Văn T1** trình bày:

Anh và chị **Trần Linh T** được tự do tìm hiểu. Anh chị có đăng ký kết hôn ngày 27/12/2022 tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Sau kết hôn, vợ chồng anh chung sống với nhau tại khu dân cư P, phường B, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Thời gian đầu, vợ chồng anh chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến ngày 24/5/2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn

là do ngày hôm đó em anh T1 về chơi. Mẹ đẻ anh T1 có bảo chị T là ở nhà trông con và dọn dẹp nhà cửa đừng đi đâu. Chị T nói với mẹ đẻ anh T1 là em gái chị T cũng về chơi nên chị T phải về nhà chị T. Sau đó, chị T tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ đến chiều tối mới về nhà. Khi về chị T có thái độ cãi lại và đập đồ đạc trong nhà. Sau đó, mẹ đẻ anh T1 có gọi mẹ đẻ chị T đến để nói chuyện về cách nuôi dạy con. Mẹ đẻ chị T không nghe mà hai bên còn xảy ra tranh luận. Ngày hôm sau, chị T đi Bắc Ninh đến khi quay về trên người có nhiều vết bầm tím. Mẹ đẻ anh T1 có hỏi thì chị T trả lời là không thể sống trong cái gia đình này. Sau đó, chị T thu dọn toàn bộ quần áo, đồ đạc gọi bố mẹ đẻ đến đón về. Vợ chồng anh sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị T lên thăm con khi anh đang ngủ. Anh T1 có nói là để khi khác lên thăm con thì chị T không chịu và lao vào con. Chị T tự gây thương tích cho mình và nói rằng anh đánh đập chị T. Sự việc này đã được Công an phường B xác minh. Thời gian sống ly thân, anh T1 không tìm đón hay níu kéo chị T. Mặc dù anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên chị T xin ly hôn, anh không đồng ý nhưng anh cũng không còn biện pháp nào để cải thiện mâu thuẫn vợ chồng.

Về con chung: anh và chị T có 01 con chung là Phạm Minh T2, sinh ngày 28/7/2024. Hiện nay, cháu T2 đang ở với anh. Nếu anh và chị T ly hôn, anh có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2 và tự nguyện không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh. Hiện nay, anh đang làm nghề buôn bán thảo mộc và phụ giúp bố mẹ kinh doanh phòng khám Đ nên có thu nhập 10.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: anh và chị T không có nên anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Q trình bày:

Bà là mẹ đẻ của chị Trần Linh T. Chị T và anh T1 kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Sau kết hôn, anh T1 và chị T chung sống với nhau cùng với bố mẹ đẻ anh T1 tại khu dân cư P, phường B, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Quá trình chị T và anh T1 chung sống nhiều lần xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung và thường xuyên xảy ra cãi nhau, có lần xảy ra xô sát. Ngoài ra việc sống chung giữa chị T và gia đình anh T1 không hoà hợp nên có xảy ra mâu thuẫn. Đã nhiều lần chị T gọi cho vợ chồng bà đến đón về nhà sống. Mâu thuẫn xảy ra của chị T và anh T1 xảy ra trầm trọng vào ngày 13/5/2024. Chị T đã về nhà vợ chồng bà sống tại khu dân cư B, phường B, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Trong thời gian chị T và anh T1 sống ly thân, chị T muốn đưa con đi cùng nhưng gia đình anh T1 giấu con và không cho chị T gặp con. Ngày 31/5/2024,

chị T có mua đồ cho con đến nhà anh T1 để thăm con. Anh T1 đánh chị T mặc dù chị T đang mang thai. Sau đó, tôi có trình báo với Công an phường B.

Chị T và anh T1 có 01 con chung. Hiện nay, con chung của anh chị đang ở với anh T1. Nay chị T xin ly hôn anh T1 và có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con thì quan điểm của bà là đề nghị Toà án giải quyết chị T được ly hôn với anh T1 càng sớm càng tốt để chị T sớm ổn định cuộc sống mới. Hiện nay, con chung của chị T và anh T1 còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ nên đề nghị Toà án giao con chung của chị T và anh T1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu chị T được nuôi con thì vợ chồng bà sẽ hỗ trợ chị T chăm sóc, nuôi dưỡng con cả về kinh tế và thời gian. Hiện nay, bà đi chợ bán hải sản, chồng bà ở nhà chăn nuôi nên có thời gian và điều kiện để hỗ trợ chị T. Vợ chồng bà có nhà ở ổn định, rộng rãi, đảm bảo chỗ ở cho mẹ con chị T.

Người làm chứng bà Vũ Thị D trình bày:

Bà là mẹ đẻ của anh T1. Đầu năm 2023, anh T1 kết hôn với chị T và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới. Sau kết hôn, anh chị chung sống với vợ chồng bà tại khu dân cư P, phường B, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Quá trình chị T và anh T1 chung sống có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T chung sống cùng anh T1 và gia đình bà bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Khi chị T về chung sống có cách sống, nề nếp khác với gia đình bà. Bà có nhiều lần góp ý với chị T nhưng chị T không thay đổi mà còn có thái độ cãi lại. Mỗi lần xảy ra mâu thuẫn với chồng hay bố mẹ chồng thì chị T lại gọi bố mẹ đến đón về. Bố mẹ đẻ chị T mỗi lần đến đón con lại cảm gậy gộc đến nhà bà gạ đánh nhau. Trong thời gian chung sống, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ khoảng 5- 6 lần. Bản thân bà không thể chấp nhận một người con dâu như chị T nhưng vì con cháu nên bà không muốn chị T và anh T1 ly hôn.

Anh T1 và chị T có 01 con chung. Hiện nay, con chung của anh chị đang ở với anh T1 và vợ chồng bà. Nay chị T xin ly hôn anh T1 và có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con thì quan điểm của bà là bà không đồng ý vì bà muốn anh T1, chị T về chung sống với nhau để cho con đỡ khổ. Hơn nữa, chị T đang mang thai. Nhưng nếu chị T cương quyết xin ly hôn anh T1. Anh T1 cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Vợ chồng bà sẵn sàng hỗ trợ anh T1 chăm sóc con về thời gian và kinh tế. Hiện nay, anh T1 đang làm tại phòng khám đông y của vợ chồng bà, có thu nhập ổn định. Anh T1 làm việc tại nhà nên có thời gian chăm con.

Qua xác minh với Công an phường B cung cấp:

Tối ngày 31/5/2024, Công an phường B có nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về sự việc xô sát giữa chị Trần Linh T và anh Phạm Văn T1 tại khu dân cư P, phường B, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Công an phường B có đến nơi xảy ra vụ việc tiến hành lập Biên bản làm việc và ghi lời khai của chị T, anh T1, bà D. Chị T không có đơn trình báo về sự việc tối ngày 31/5/2024. Chị

T chỉ đề nghị Công an phường B lưu giữ các biên bản làm đề làm căn cứ giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh T1. Vì vậy, Công an phường B không giải quyết gì. Công an phường B cung cấp toàn bộ hồ sơ vụ việc cho Toà án để có căn cứ giải quyết vụ án.

Qua xác minh với trưởng khu dân cư P, phường B cung cấp:

Năm 2023, chị T và anh T1 kết hôn. Sau kết hôn, anh chị chung sống với nhau tại khu dân cư P, phường B, thành phố C, tỉnh Hải Dương cùng với bố mẹ đẻ anh T1. Quá trình chung sống tại địa phương, chị T và anh T1 có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân cụ thể thì địa phương không nắm được. Nhưng ngày 31/5/2024, chị T và anh T1 có xảy sô sát. Công an phường B có mời bà đến nhà anh T1 nơi xảy ra sự việc để làm việc. Nguyên nhân là do anh T1 và gia đình anh T1 cấm cản chị T thăm, gặp con trong thời gian anh chị sống ly thân. Chị T và anh T1 đã sống ly thân khoảng hơn 01 tháng nay. Chị T về nhà bố mẹ đẻ sống ở khu dân cư B, phường B, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Chị T và anh T1 có 01 con chung hiện nay đang ở với anh T1. Anh T1 hiện đang làm nghề bán thuốc đông y tại địa phương. Nay chị T xin ly hôn anh T1 và có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con thì quan điểm của địa phương là đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật, còn về con chung vì con chung của anh chị còn nhỏ nên giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng là tốt nhất.

Qua xác minh với trưởng khu dân cư B, phường B cung cấp: Chị T và anh T1 không chung sống với nhau tại khu dân cư B, phường B nên địa phương không biết được quá trình chung sống, chị T và anh T1 có xảy ra mâu thuẫn không và nguyên nhân mâu thuẫn là gì thì địa phương không nắm được. Địa phương chỉ biết hơn 01 tháng nay chị T về khu dân cư B, phường B chung sống cùng với bố mẹ đẻ. Chị T và anh T1 hiện có 01 con chung. Nay chị T xin ly hôn anh T1 và có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con thì quan điểm của địa phương là đề nghị Toà án căn cứ vào nguyện vọng của các bên và quy định pháp luật để giải quyết. Chị T đang ở với bố mẹ đẻ có nhà ở ổn định, rộng rãi. Chị T đi làm công ty có thu nhập ổn định. Hiện nay, bố mẹ chị T đang làm lao động tự do tại địa phương nên có thời gian và điều kiện kinh tế để hỗ trợ chị T chăm sóc con nếu chị T được nuôi con.

Tại phiên toà nguyên đơn chị Trần Linh T xác định tình cảm vợ chồng không còn và giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh T1. Về con chung: chị đồng ý giao con chung Phạm Minh T2 cho anh T1 tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng với điều kiện anh T1 và gia đình anh T1 không được ngăn cản việc chị thăm nom, đưa đón cháu T2. Về tài sản chung và nợ chung: chị T không yêu cầu Toà án giải quyết. Bị đơn anh Phạm Văn T1 trình bày xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nhưng anh không còn biện pháp nào để níu kéo chị T. Nay chị T cương quyết xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn với chị T. Về con chung: nếu vợ chồng ly

hôn, anh có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con chung **Phạm Minh T2** và tự nguyện không yêu cầu chị **T** phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh vì anh cho rằng chị **T** đang mang thai con chung của vợ chồng nên anh nuôi cháu **T2** sẽ tốt hơn chị **T**. Về tài sản chung và nợ chung: anh **T1** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định của Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị HĐXX:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Trần Linh T**, cho chị **T** được ly hôn với anh **Phạm Văn T1**.

- Về con chung: Giao con chung **Phạm Minh T2**, sinh ngày 28/7/2023 cho anh **T1** tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác. Chị **T** không phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh **T1**.

- Về tài sản chung: Không đề nghị giải quyết.

- Án phí: Chấp nhận sự tự nguyện của chị **T** tự nguyện chịu cả 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng : Chị **Trần Linh T** có đơn yêu cầu xin ly hôn đối với anh **Phạm Văn T1** có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: **thôn Đ, xã H, thành phố C, tỉnh Hải Dương** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại Điều 28; Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: chị **Trần Linh T** và anh **Phạm Văn T1** được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Anh chị có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã H** nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách và quan điểm sống nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Chị **T** và anh **T1** cùng xác định đã sống ly thân khoảng hơn 1 tháng nay. Anh **T1** xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nhưng bản thân anh không còn biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Chị **T** cương quyết xin ly hôn anh **T1**, anh **T1** đồng ý ly hôn với chị **T**. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị **T** và anh **T1** đã lâm và tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **T** xử cho chị được ly hôn với anh **T1** là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Chị **T** và anh **T1** có 01 con chung là **Phạm Minh T2**, sinh ngày 28/7/2023. Hiện nay, cháu **T2** đang ở với anh **T1**. Khi ly hôn, anh **T1** có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu **T2** và tự nguyện không yêu cầu chị **T** phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị **T** cũng có nguyện vọng được nuôi cháu **T2** và yêu cầu anh **T1** cấp dưỡng nuôi con với chị 3.000.000 đồng/tháng. Nhưng tại phiên toà, chị **T** đồng ý giao con cho anh **T1** tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy việc thoả thuận của các đương sự là tự nguyện và không trái với quy định pháp luật nên cần được chấp nhận. Giao con chung **Phạm Minh T2**, sinh ngày 28/7/2023 cho anh **T1** trực tiếp nuôi dưỡng. Anh **T1** tự nguyện không yêu cầu chị **T** phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh.

[4]. Về tài sản chung và nợ không: Chị **T** và anh **T1** không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí: Chấp nhận sự tự nguyện của chị **T** tự nguyện chịu cả 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị **Trần Linh T** được ly hôn anh **Phạm Văn T1**.

2. Về con chung: Giao con chung là **Phạm Minh T2**, sinh ngày 28/7/2023 cho anh **T1** tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh **T1** tự nguyện không yêu cầu chị **T** phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh.

Chị **T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: chị **Trần Linh T** tự nguyện chịu cả 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng chị **T** đã nộp tạm ứng án theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004029 ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Chí Linh.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể tuyên án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thiện Phán

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Đương sự;
- UBND xã Hoàng Hoa Thám, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thiện Phán

